TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C P** **TỈNH G L**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-ST
Ngày 24 tháng 12 năm 2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C P, TỈNH G L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Đình Mạnh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Mừng
2. Bà Ksor H'Séo

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Thành Long - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C P, tỉnh G L

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C P, tỉnh G L tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Xây - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 12 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 50/2021/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 6 năm 2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐST-HNGĐ ngày 28/10/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị R H'T, sinh năm 1995
Trú tại: Thôn T M A, xã I D, huyện C P, tỉnh G L. Có mặt

2. Bị đơn: Anh Siu Tẽk, sinh năm 1996
Trú tại: Thôn T Đ, xã I D, huyện C P, tỉnh G L. Vắng mặt

3. Người phiên dịch: Ông Nay Đức Linh, sinh năm 1987. Người dân tộc Jrai
Trú tại: Thôn H B, thị trấn N H, huyện C P, tỉnh G L. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****** Tại đơn khởi kiện ngày 01/6/2021, bản tự khai ngày 14/6/2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị R H'T trình bày:*

- Về hôn nhân: Tôi và anh S T tự nguyện chung sống, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới từ năm 2013 và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 47 ngày 23/10/2018 của UBND xã I D, huyện C P, tỉnh G L. Sau khi kết hôn chúng tôi sống hạnh phúc được khoảng một năm thì nảy sinh mẫu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T chỉ biết ăn chơi, không lo làm ăn kiếm tiền nuôi gia đình, hai vợ

chồng thường xuyên xích mích, cãi vã, hai bên gia đình và già làng đã giải quyết cho ly hôn theo phong tục tập quán của người địa phương. Nay tôi cảm thấy mâu thuẫn giữa chúng tôi đã thực sự trầm trọng, không thể hàn gắn, hôn nhân không thể tiếp tục kéo dài nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Tôi và anh T có hai con chung là R H'Th, sinh ngày 30/5/2014 và R Ti, sinh ngày 17/8/2018.

Hiện hai cháu đang sống với tôi. Tôi có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả 02 con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh S T hiện nay vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn T Đ, xã I D, huyện C P, tỉnh G L. Anh T đã được Tòa án cấp, tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án một cách hợp lệ và đã biết việc chị R H'T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con chung nhưng anh Tẽk không cung cấp bản tự khai, không đến Tòa án để làm việc và không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa, anh T cũng vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do.

** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C P, tỉnh G L tại phiên tòa:*

- Việc tuân theo pháp luật của cơ quan và người tiến hành tố tụng: Cơ bản là đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tuy có một số vi phạm nhưng không ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, cần rút kinh nghiệm.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ hôn nhân: Tuyên xử cho chị R H'T ly hôn với anh S T.

Về con chung: Giao hai con chung là R H'Th, sinh ngày 30/5/2014 và R Ti, sinh ngày 17/8/2018 cho chị R H'T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản: Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội; buộc chị R H'T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị R H'T khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh S T có nơi cư trú tại thôn T Đ,

xã I D, huyện C P, tỉnh G L nên thuộc thẩm quyền giải quyết của của Tòa án nhân dân huyện C P, tỉnh G L theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh S T không có yêu cầu phản tố đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Chị R H'T và anh S T đăng ký kết hôn ngày 23/10/2018 tại Ủy ban nhân dân xã I D, huyện C P, tỉnh G L theo Giấy chứng nhận kết hôn số 47 trên cơ sở tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định Luật hôn nhân và gia đình, được pháp luật công nhận.

Sống hạnh phúc khoảng một năm kể từ khi đăng ký kết hôn thì chị R H'T và anh S T phát sinh mâu thuẫn và không còn chung sống với nhau như vợ chồng.

Tại biên bản xác minh ngày 27/7/2021 thôn trưởng thôn T Đ, xã I D, huyện C P cho thấy: Anh S T hiện nay vẫn sinh sống tại thôn T Đ, xã I D, huyện C P, tỉnh G L. Tuy nhiên, phải đi làm thuê cho người khác nên anh S T không thường xuyên có mặt tại nhà, thỉnh thoảng mới về. Mâu thuẫn giữa chị Rmah H'Thuen và anh Siu Tẽk là đúng sự thật, họ đã giải quyết xong việc ly hôn theo phong tục tập quán của người Jrai, hiện nay hai người không còn sống chung với nhau. Chị R H'T sống cùng với gia đình của mình tại thôn T M A và nuôi cả hai con chung.

Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị R H'T và anh S T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; quan hệ vợ chồng giữa chị H'T và anh T thực sự đã không tồn tại kể từ năm 2019 cho đến nay; Chị R H'T yêu cầu được ly hôn với anh S T là có căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xử cho chị R H'T được ly hôn với anh S T là hợp lý.

- Về con chung: Chị R H'T và anh S T có hai con chung là R H'Th, sinh ngày 30/5/2014 và R Ti, sinh ngày 17/8/2018.

Chị R H'T yêu cầu được nuôi dưỡng cả 02 cháu; Hiện cả 02 cháu đều sống với chị H'Tn được chị H'T chăm sóc phát triển bình thường; Xét nguyện vọng của các cháu đều muốn được ở với chị H'T. Do đó giao cả 02 cháu R H'Th và R Ti cho chị H'T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị R H'T không yêu cầu anh S T cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị R H'T và anh S T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị R H'T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị R H'T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị R H'T ly hôn anh S T

2. Về con chung: Giao hai con chung là Rh H'Th, sinh ngày 30/5/2014 và R Ti, sinh ngày 17/8/2018 cho chị R H'T trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi cháu Rh H'Ti và R Ti thành niên (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Chị R H'T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0005527, ngày 14/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C P, tỉnh G L.

4. Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết lên Tòa án nhân dân tỉnh G L để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Dương Đình Mạnh

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện C P;
- Chi Cục THS DS huyện C P;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu HS.